TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Thanh Phong
2. Ông Trần Gia Phượng

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST- HNGĐ ngày 27/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chử Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Chử Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/01/2014 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng với gia đình chồng tại khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó, đến cuối năm 2022 chị và anh M phát sinh mâu thuẫn do hai người có nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh M có hành vi đánh đập chị. Chị và anh M đã sống ly thân kể từ tháng 6/2023

đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh M.

- Về con chung: Chị Chử Thị T xác định chị và anh Nguyễn Văn M có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương C, sinh ngày 04/12/2014, cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 23/6/2017 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 06/9/2019. Tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2023, chị T đề nghị được nuôi ba con chung nhưng tại phiên tòa chị đề nghị được nuôi cháu lớn là cháu Nguyễn Ngọc Phương Chi, sinh ngày 04/12/2014, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Chử Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị Chử Thị T hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai người có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân kể từ tháng 6/2023 đến nay, không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Tại phiên tòa hôm nay anh xác định vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên anh nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn M xác định vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương C, sinh ngày 04/12/2014, cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 23/6/2017 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 06/9/2019. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Nguyễn Văn M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chử Thị T đối với anh Nguyễn Văn M.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương C, sinh ngày 04/12/2014 cho chị Chử Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao

hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 23/6/2017 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 06/9/2019 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4 Về án phí: Chị Chử Thị T chịu toàn bộ 150.000đ (Mộ trăm năm mươi nghìn đồng) cả phần án phí của anh M. Hoàn trả lại cho chị Chử Thị T số tiền là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc"Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Chử Thị T với anh Nguyễn Văn M. Bị đơn là anh Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/01/2014 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc là có thật. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương xác định vợ chồng chị T trong cuộc sống có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Chị T đã trình báo sự việc ra công an xã T giải quyết, sau đó rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn nhưng tình trạng mâu thuẫn không cải thiện được. Chị T và anh M đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2023 đến nay, chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Kể từ khi phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh M không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T đề nghị ly hôn với anh M là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M đều nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M đều thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Phương C, sinh ngày 04/12/2014, cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 23/6/2017 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 06/9/2019. Tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2023, chị T đề nghị được nuôi ba con chung nhưng tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Phương C, sinh ngày 04/12/2014, không đề nghị anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chùng cùng chị. Phía anh M đề nghị được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con chung của chị T và anh M đều chính đáng. Xét thấy hai cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 23/6/2017 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 06/9/2019 hiện nay đang trực tiếp sinh sống cùng anh Nguyễn Văn M nên cần giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Phương C, sinh ngày 04/12/2014. Cháu là con gái hơn nữa cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu là chị Chử Thị T nên cần giao cháu Nguyễn Ngọc Phương Ccho chị Chử Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M phải chịu theo quy định của pháp luật. Chị Chử Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (cả phần án phí của anh M)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chử Thị T đối với anh Nguyễn Văn M.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chử Thị T và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương C, sinh ngày 04/12/2014 cho chị Chử Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 23/6/2017 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 06/9/2019 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4 Về án phí: Chị Chử Thị T chịu toàn bộ 150.000đ (Mộ trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Chử Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0002563 ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Chử Thị T số tiền là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chử Thị T, anh Nguyễn Văn M có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện.L;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang